TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2021/HNGĐ-ST

Ngày16 – 11 - 2021

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2021/QĐST-DS ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Kim Y, sinh năm 1993 (có mặt)

* *Bị đơn:* AnhTrần Minh T, sinh năm 1991 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T1, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Kim Y trình bày*:

Chị Y và anh T cưới nhau vào năm 19/12/2010, hôn nhân do quen biết, chị Y và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã xã P, huyện T1, tỉnh V. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc: Chị Y trình bày do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau và anh T không quan

tâm chăm sóc chị và con; chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Y và anh T có hai người con chung tên là Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2011 và Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020, hiện do chị Y và anh T nuôi dưỡng;

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Y yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T.

- Về con chung: Chị Y yêu cầu nuôi con chung tên là Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020, chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị Y đồng ý giao cháu Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là anh T có bản tự khai ngày 10/6/2021 trình bày*:

Anh T thống nhất về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản theo như chị Y trình bày, anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị Y, vì anh T còn tình cảm với chị Y nên yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn anh T yêu cầu nuôi hai con chung tên là Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020 và cháu Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2011 anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 15/6/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Trần Minh T được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T1, tỉnh V cấp ngày 07/7/2011 thì anh T và chị Y là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T1, tỉnh V cấp ngày 08/8/2011 và ngày 04/01/2020 thì cháu Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2021 và cháu Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020 là con chung của chị Y và anh T.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Chị Y và anh T không thống nhất được các vấn đề trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh T không đồng ý ly hôn với chị Y. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Y thì anh T yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2021 và cháu Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020, anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. *Về yêu cầu của đương sự:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Y với anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Y với anh T là do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau và anh T không quan tâm chăm sóc chị và con. Từ khi ly thân cho đến nay chị Y và anh T không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không tự đoàn tụ được với nhau. Chị Y nhận thấy đời sống chung của vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trường. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y với anh T; cho chị Y được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Y là cháu Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn N. Đối với cháu Trần Gia T2, sinh ngay 08/8/2011 thì chị Y đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi cháu Gia T2 là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, cháu N hiện nay hơn 22 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ là phú hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử giao cháu Trần Tuấn N cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Gia T2 chị Y đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 muốn sống với anh T sau khi chị Y, anh T ly hôn với nhau được thể hiện tại bản tự khai cùng ngày 05/5/2021; nhằm tránh xáo

trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Trần Gia T2, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Gia T2, sinh ngày 08/8/2011 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Xét yêu cầu nuôi con của anh T là cháu Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020 là không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Trần Tuấn N của anh T như đã phân tích nêu trên.

Chị Y, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Kim Y.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Kim Y được ly hôn với anh Trần Minh T.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung cháu Trần Gia T2, sinh ngày 0/8/2011 cho anh Trần Minh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu Trần Tuấn N, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Phan Thị Kim Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Y và anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y, anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩmtrong vụ án ly hôn, được khấu trừ hết vào số tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số No0011040ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Y không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Cảnh